

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG AN PHƯỚC THỊNH

DANH MỤC THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
1.	Cân điện tử 3200g (0.01g)	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
2.	Máy cắt đất 2 tốc độ	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
3.	Máy nén đất tam liên trung áp	2	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
4.	Tủ sấy (300°C)	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
5.	Sàng D300mm	8	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
6.	Ống đong thủy tinh 1000ml	10	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
7.	Tỷ trọng kế	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	Không còn sử dụng
8.	Bộ vaxilieps – VN	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
9.	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất (Gồm tấm kính, bình xít, 3 cốc ẩm, dao trộn, bát trộn, hộp đựng)	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
10.	Bình tỷ trọng đất 100ml	10	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
11.	Hộp nhôm D55x35	10	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
12.	Bình hút ẩm D240mm (thủy tinh)	1	Số: 22-20/APT-NATRACO; Ngày 25/06/2020	0000200	04/07/2020	
13.	Bộ phễu rót cát hiện trường (gồm phễu chuẩn, bình đựng 5L, tấm dung trọng, Búa,	1	09-20/APT-NATRACO; ngày 02/05/2020	0000495	05/05/2020	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
	đục, hộp đựng)					
14.	Bộ dao vòng lấy mẫu hiện trường (gồm thanh dẫn, búa, 3 lưỡi dao đai chuẩn)	1	09-20/APT-NATRACO; ngày 02/05/2020	0000495	05/05/2020	
15.	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh (gồm cân Benkenman; đồng hồ so 10x0.01mm, tấm ép D340mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực 20 tấn, 02 đồng hồ sơ 10x0.01mm, ống kê cao, ống kê thấp)	1	09-20/APT-NATRACO; ngày 02/05/2020	0000495	05/05/2020	
16.	Máy kéo nén vạn năng 1000kN	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
17.	Bộ gá kéo (ngàm kẹp) bu lông	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
18.	Bộ gá cắt bu lông loại nhỏ	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
19.	Bộ gó uốn thép	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
20.	Máy nén bê tông 2000kN	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
21.	Bộ gá uốn bê tông 2 điểm	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
22.	Côn thử độ sụt bê tông	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
23.	Bộ ép chẻ mẫu bê tông trụ D150	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
24.	Búa thử độ cứng bê tông	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
25.	Máy siêu âm bê tông	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
26.	Thước đo 3m	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
27.	Bộ xác định độ nhám mặt đường	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
28.	Máy đo điện trở đất	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
29.	Máy nén uốn xi măng 300kN	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	Không còn sử dụng
30.	Máy trộn vữa xi măng	1	Số: LQ19-039; ngày	0000452	12/10/2020	



STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
	tiêu chuẩn		03/10/2020			
31.	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
32.	Dụng cụ vicat	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
33.	Bàn dẫn vữa xi măng quay tay	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
34.	Khuôn 50x50x50	3	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
35.	Khuôn Le Chaterlier	2	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
36.	Bình tỷ trọng xi măng 250ml			0000452	12/10/2020	
37.	Phễu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng Bình tam giác 1000ml	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
38.	Tấm nén ép mẫu gạch tự chèn	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
39.	Bộ thí nghiệm xác định độ bám dính của vữa	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
40.	Bộ tỷ diện xi măng	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
41.	Khuôn xi măng 20x20x20 kép 6	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
42.	Bộ gá uốn mẫu gạch xây	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
43.	Bộ thí nghiệm độ thấm của gạch 80x80x180	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
44.	Bộ thí nghiệm độ thấm của gạch 40x80x180	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
45.	Bộ thí nghiệm độ thấm của gạch 200x200x400	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
46.	Bộ thí nghiệm độ thấm của gạch 100x200x400	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
47.	Máy thử độ mài mòn Los angeles	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
48.	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
49.	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
50.	Phễu xác định độ xốp của đá	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
51.	Phễu xác định độ xốp	1	Số: LQ19-039; ngày	0000452	12/10/2020	

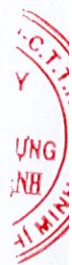
STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
	của cát		03/10/2020			
52.	Thùng dung trọng 1 lít	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
53.	Thùng dung trọng 2 lít	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
54.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa đá)	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
55.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (bình rửa cát)	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
56.	Bảng màu chuẩn	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
57.	Dụng cụ hấp phụ nước của cát	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
58.	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa của đá	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
59.	Bộ sàng đá cấp phối D 300 Sàng D300mm (50mm, 37.5mm, 25mm, 19mm, 9.5mm, 4.75mm, 2.36mm, 0.125mm, 0.075mm) Đáy + nắp cho Sàng D300	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
60.	Bộ sàng đá tiêu chuẩn D300 (75mm, 60mm, 50mm, 40mm, 30mm, 25mm, 20mm, 15mm, 10mm, 5mm, 3mm) Đáy + nắp cho Sàng D300	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
61.	Bộ sàng cát tiêu chuẩn D300 (10mm, 5mm, 2.5mm, 1.25mm, 0.63mm, 0.315mm, 0.14mm) Đáy + nắp cho Sàng D300	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
62.	Bộ sàng cốt liệu bê tông nhựa D300 (37.5mm, 25mm, 20mm, 19mm, 12.5mm, 9.5mm, 4.75mm, 2.36mm, 1.18mm, 0.6mm,	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
	0.3mm, 0.15mm, 0.075mm) Đáy + nắp cho Sàng D300					
63.	Thước kẹp cải tiến tỷ lệ 1:3	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
64.	Máy nén CBR/Marshall 50kN	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
65.	Khuôn CBR	3	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
66.	Loadcell và đầu đọc lực	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
67.	Thiết bị xác định giới hạn chảy	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
68.	Cối proctor tiêu chuẩn	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
69.	Cối proctor cải tiến	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
70.	Chày proctoc tiêu chuẩn	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
71.	Chày proctoc cải tiến	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
72.	Bộ bentonite	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
73.	Thiết bị thí nghiệm thấm của đất, cát	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
74.	Thiết bị giãn dài nhựa	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
75.	Thiết bị kim lún nhựa tự động	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
76.	Thiết bị xác định điểm nhiệt độ hóa mềm nhựa đường	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
77.	Thiết bị xác định điểm bắt lửa	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
78.	Máy ly tâm tách nhựa	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
79.	Bộ chày đầm marshall bằng tay có đế đầm	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
80.	Thân khuôn marshall	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
81.	Bể ổn nhiệt marshall	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
82.	Bộ dụng cụ xác định	1	Số: LQ19-039; ngày	0000452	12/10/2020	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
	khối lượng riêng bê tông nhựa		03/10/2020			
83.	Máy do PH cầm tay	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
84.	Thiết bị kiểm tra chloride cầm tay	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
85.	Thuốc thử chloride hanna	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
86.	Cuvet chuẩn	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
87.	Thiết bị kiểm tra sulfate cầm tay	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
88.	Thuốc thử sulphat hanna	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
89.	Cuvet chuẩn	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
90.	Lò nung 1000°C	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
91.	Bình khối lượng riêng 1000ml	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
92.	Bình khối lượng riêng 2000ml	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
93.	Bình định mức cổ dài 100ml	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
94.	Bình định mức cổ dài 250ml	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
95.	Bình định mức cổ dài 500ml	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
96.	Bình hút ẩm D300	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
97.	Bình hút chân không D240mm	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
98.	Bộ nhiệt kế điện tử	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	
99.	Cân phân tích 210g (0.0001g)	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	Không còn sử dụng
100.	Cân điện tử 30kg (1g)	1	Số: LQ19-039; ngày 03/10/2020	0000452	12/10/2020	Không còn sử dụng
101.	Máy kéo đa năng 100kN sử dụng máy tính	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
102.	Gá thử vải không dệt	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP;	00000017	19/03/2025	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
			ngày 12/03/2025			
103.	Gá thử kéo vải dệt	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
104.	Ngàm kéo giặt	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
105.	Gá thử cường độ xuyên CBR	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
106.	Gá thử cường độ xuyên thùng thanh	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
107.	Dụng cụ đo độ dày vải địa	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
108.	Dụng cụ thử thấm đứng vải địa	1	Số 01/HĐMB/APT-HLP; ngày 12/03/2025	00000017	19/03/2025	
109.	Bình Le chatelier	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
110.	Cân điện tử 30Kg (1g)	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
111.	Giấy lọc xanh F11	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
112.	Bát sứ (cốc nung) 500ml	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
113.	Sàng D300mm (0.08.;0.09; 0.425; 1.7; 16; 80; 90; 100mm)	8	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
114.	Bàn dẫn mẫu xi măng	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
115.	Khuôn chatelier	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
116.	Bể điều nhiệt Le chatelier	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
117.	Lò nung 1200°C	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
118.	Bát sứ 150ml	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
119.	Cân phân tích 220g (0.0001g)	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
120.	Đồng hồ đo độ cứng	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
121.	Bình phản ứng kiểm silic	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
122.	Chén sứ (cốc nung) 100ml	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
123.	Bộ thí nghiệm đương lượng cát (hệ số ES)	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
124.	Xi lanh nén đập đá Ø75mm và Ø 150mm	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
125.	Côn thử độ sụt của cốt liệu	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
126.	Bộ xác định khối lượng riêng bê tông nhựa	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
127.	Máy đo độ kéo dài nhựa	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
128.	Máy thí nghiệm hóa mềm tự động	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
129.	Tủ sấy đo tổn thất nhựa	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
130.	Dụng cụ xác định hào tan trong tricloetylen	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
131.	Bình tỷ trọng nhựa đường	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
132.	Bàn dằn vữa xi măng (thử độ lưu động của vữa)	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
133.	Thiết bị thử độ thấm nước của gạch	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
134.	Máy mài mòn gạch	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
135.	Bộ dụng cụ xác định độ nhám mặt đường	1	Số 02/HĐMB/APT-HLP	00000063	11/08/2025	
136.	Bộ máy khoan địa chất XY-1 và bộ dụng cụ SPT	1	Số 01/22/HĐMB	807	18/03/2022	
137.	Chai nắp vặn 100ml	10	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
138.	Buret 10ml (0.02ml)	1	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
139.	Giá Burete inox	1	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
140.	Kẹp Burete	1	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
141.	Cốc có mỏ 250ml	1	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
142.	Pipet bầu (5ml; 10ml; 25ml; 50ml; 100ml)	2	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
143.	Pipet thẳng (5ml; 10ml; 25ml; 50ml; 100ml)	2	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
144.	Phễu lọc xộp 60ml	1	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
145.	Giấy lọc không tro 110mm-202	1	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
146.	Quả bóp cao su	2	Mua lẻ	00001777	06/08/2025	
147.	Máy khoan lấy mẫu bê tông chạy xăng	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	
148.	Mũi (lưỡi) khoan 4 inch	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	
149.	Thân mũi khoan 4 inch	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	
150.	Đầu nối mũi khoan 4 inch	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	
151.	Mũi khoan kim cương 4 inch mũi liền	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	



STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Hợp đồng kinh tế	Hóa đơn	Ngày Bàn giao	Ghi chú
152.	Khuôn bê tông lập phương 150mm	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	
153.	Khuôn bê tông lập phương 150mm kép 3	1	Mua lẻ	00000018	28/02/2022	
154.	Phễu xác định độ xốp của đá	4	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
155.	Phễu xác định độ xốp của cát	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
156.	Thùng dung trọng 1L	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
157.	Thùng dung trọng 10L	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
158.	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng inox	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
159.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa đá)	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
160.	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (bình rửa cát)	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
161.	Khuôn bê tông lập phương 150mm	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
162.	Kích 300 tấn	1	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
163.	Đế từ bằng nam châm	4	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
164.	Đồng hồ sơ 50x0.01mm	4	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
165.	Cào C 4''	4	Mua lẻ	00000161	31/12/2022	
166.	Máy đầm CBR/ PROTOR tự động	1	Mua lẻ	00000124	26/09/2024	
167.	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande	1	Mua lẻ	00000124	26/09/2024	
168.	Tỷ trọng kế 151H	1	Mua lẻ	00000124	26/09/2024	
169.	Khuôn bê tông lập phương 150mm	15	Mua lẻ	00000124	26/09/2024	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN - XÂY DỰNG AN PHƯỚC THỊNH

GIÁM ĐỐC



Trương Ngọc Dương Thu